

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 053/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 22 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ luật Tổ chức HĐND - UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ Ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu,

Xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum tại Tờ trình số 28/TTr-Cty ngày 21 tháng 4 năm 2014, Tờ trình số 60/TTr-Cty ngày 05 tháng 9 năm 2014; ý kiến của Sở Nội vụ tại Văn bản số 1514/SNV-TCBM ngày 21 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum gồm 9 chương, 55 điều (có Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này chỉ có hiệu lực khi được Ủy ban

nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận: *Qr*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hải



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM
(Ban hành theo Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2014
của UBND tỉnh Kon Tum)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Công ty*”: Là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum.

b) “*Chủ sở hữu Công ty*”: Là từ gọi tắt của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

c) “*Đơn vị trực thuộc*”: Là các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong cơ cấu Công ty.

d) “*Luật doanh nghiệp*”: Nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

đ) “*Người có liên quan*”: Bao gồm các tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 17, Điều 4 của Luật doanh nghiệp.

e) “*Pháp luật*”: Là bao gồm tất cả các Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một cơ quan Nhà nước nào ban hành (*các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm*) và có liên quan đến Công ty.

g) “*Tranh chấp*”: Có nghĩa là những mâu thuẫn, bất đồng về quyền và nghĩa vụ hợp pháp liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên giao dịch bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU**

HẠN MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM;

b) Tên viết tắt tiếng Việt: **Công ty TNHH MTV MTĐT Kon Tum;**

c) Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **KONTUM URBAN ENVIRONMENT SINGLE MEMBER LIABILITY LIMITED COMPANY;**

d) Tên viết tắt tiếng Anh: **KonTum Urenco.**

2. Trụ sở chính của Công ty:

a) Địa chỉ: 200 (số cũ: 153) đường Ure, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

b) Điện thoại: (060) 3868522. Fax: (060) 3861297

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn được Nhà nước đầu tư cho Công ty;

b) Hoàn thành nghĩa vụ thuế và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định;

c) Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của Công ty; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

a) Dịch vụ vệ sinh đô thị: Quét dọn, thu gom rác thải, không độc hại, độc hại (3811, 3812), xử lý tiêu hủy rác thải (3821, 3822);

b) Dịch vụ nước thải: Thoát nước và xử lý nước thải (3700);

c) Dịch vụ duy tu: Xây dựng công trình công ích (duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa) đường, vỉa hè, điện công lộ, điện trang trí công viên, hoa viên, công trình thoát nước đô thị; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4220, 4290);

d) Dịch vụ xây dựng: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ, phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng (4100, 4210, 4311, 4312);

- đ) Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước (4321, 4322);
- e) Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan: Trồng và chăm sóc cây xanh, cây cảnh các loại (8130);
- g) Quản lý nghĩa trang, hoạt động dịch vụ tang lễ (9632);
- h) Dịch vụ hút hầm cầu (8129); Hoàn thiện công trình xây dựng (4330);
- i) Kinh doanh bất động sản (6819); Hoạt động tư vấn quản lý (7020);
- k) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (7110);
- l) Cung ứng lao động tạm thời (7820).

3. Ngoài lĩnh vực kinh doanh nêu tại khoản 2 của Điều này, Công ty có thể mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh để đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 5. Mức vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty (tại thời điểm 31/12/2013) là: 7.090.395.000 đồng (Bảy tỷ, không trăm chín mươi triệu, ba trăm chín lăm lăm ngàn đồng).

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chủ sở hữu nhà nước

Nhà nước là chủ sở hữu của Công ty. Ủy ban nhân tỉnh Kon Tum là chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Quyền đối với vốn và tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật;

b) Được sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực là đất đai, tài nguyên được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật để hoạt động kinh doanh và thực hiện các hoạt động công ích khi được Nhà nước yêu cầu;

d) Nhà nước không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty và vốn, tài sản của Công ty theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

đ) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền trong kinh doanh:

a) Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong, ngoài nước và ký kết hợp đồng;

c) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá;

d) Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác có liên quan; sử dụng vốn, tài sản của Công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác theo quy định của pháp luật;

g) Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công;

h) Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ

sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Thực hiện các quyền khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Quyền về tài chính:

a) Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác; của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật;

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty;

b) Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do Bộ Tài chính quy định;

d) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Công ty;

đ) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

e) Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

g) Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập Quỹ dự phòng tài chính, phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia và sử dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được tăng lương, trích thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn;

h) Chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn và theo quy định của pháp luật;

i) Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Quyền tham gia hoạt động công ích:

a) Trên cơ sở đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước, Công ty có nghĩa vụ

tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định;

b) Đối với nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao, Công ty được bảo đảm điều kiện vật chất tương ứng; đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thì Công ty được sử dụng phí hoặc doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đặt hàng của Nhà nước để bù đắp chi phí hợp lý phục vụ hoạt động công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trường hợp không đủ thì được Nhà nước cấp bù phần chênh lệch.

c) Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

d) Có các quyền khác về hoạt động công ích theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của công ty

1. Nghĩa vụ về vốn và tài sản:

a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư và vốn Công ty tự huy động, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tài sản của Công ty. Thực hiện chế độ quản lý và sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận và các chế độ quản lý tài chính khác theo quy định của Nhà nước;

b) Định kỳ đánh giá lại tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty;

đ) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu Công ty; chấp hành các

quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ về tài chính:

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê;

b) Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Công ty;

c) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của Công ty;

d) Hạch toán các hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích:

a) Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng;

b) Cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng theo đúng phạm vi, Khối lượng, đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định;

c) Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh tế, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của Công ty; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do Công ty trực tiếp thực hiện và cung ứng;

d) Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật.

Chương III CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Mục 1: QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 12. Quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập; Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty phù hợp với đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phê duyệt chủ

trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty.

2. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

3. Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty.

5. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm.

6. Phê duyệt chủ trương vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của Công ty.

7. Quyết định lương của Chủ tịch Công ty và Giám đốc do mình bổ nhiệm; quỹ lương hằng năm của Chủ tịch Công ty.

8. Chấp thuận để Chủ tịch Công ty phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

9. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật của Công ty như: Việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch Công ty, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành Công ty.

10. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ cho Công ty.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải quản lý và điều hành Công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản của Công ty;

b) Chủ sở hữu Công ty thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Chủ sở hữu Công

ty yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, Chủ sở hữu Công ty chỉ đạo Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình;

b) Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty: Chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty; bảo đảm để Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu đối với Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã đầu tư ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Mục 2: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 15. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc của Kiểm soát viên

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Kiểm soát viên hoạt động độc lập về nghiệp vụ, tuân thủ pháp luật và chỉ đạo của Chủ sở hữu Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình trước pháp luật và trước Chủ sở hữu Công ty, đảm bảo tính khách quan trung thực của các báo cáo, các kết luận giám sát và đề xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Kiểm soát viên;

b) Tôn trọng pháp luật và đảm bảo hoạt động bình thường, không gây gián đoạn trong hoạt động của Công ty;

c) Không được tiết lộ kết quả kiểm soát, không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian thực hiện chức năng, nhiệm vụ Kiểm soát viên và trong thời hạn tối thiểu là 02 (hai) năm sau khi thôi chức vụ Kiểm soát viên.

2. Chế độ làm việc:

a) Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá ba (03) năm và được Chủ sở hữu Công ty xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

b) Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan theo quy định tại Điều a, c và đ, Khoản 17, Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có khả năng thực hiện kiểm soát và kinh nghiệm nghề nghiệp về tài chính, kế toán hoặc kinh nghiệm thực tế về quản lý điều hành trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty từ 3 (ba) năm trở lên và tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ này.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ Kiểm soát viên.

Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều 5, 6 và 7 của Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Chủ sở hữu quyết định mức và chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

3. Chế độ chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

4. Kiểm soát viên được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động của Công ty như cán bộ, nhân viên khác tại Công ty.

Điều 19. Miễn nhiệm, thay thế Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
 - b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Quyết định vượt thẩm quyền gây hậu quả nghiêm trọng đối với lợi ích của Chủ sở hữu Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - đ) Không thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
2. Kiểm soát viên được thay thế trong những trường hợp sau đây:
- a) Xin từ chức và được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật;
 - b) Khi có quyết định nghỉ hưu, điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
 - c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 1 của Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 20. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty gồm:
- a) Chủ tịch Công ty;
 - b) Giám đốc;
 - c) Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - d) Bộ máy giúp việc, Ban Kiểm soát nội bộ.
2. Chủ tịch Công ty có thể kiêm nhiệm Giám đốc.
3. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Mục 1: CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 21. Chủ tịch Công ty

1. Chức năng của Chủ tịch Công ty:
- a) Chủ tịch Công ty là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty được giao tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật;
 - b) Chủ tịch Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu Công ty;

ty, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty, về các quyết định của mình gây thiệt hại cho Công ty và cho Chủ sở hữu Công ty, về thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại.

3. Lương, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty quyết định và được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Chủ tịch Công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài tỉnh trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 22, 23, 24 và 25 của Điều lệ này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh "Chủ tịch Công ty" trong trường hợp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

6. Quyết định của Chủ tịch Công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch Công ty, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

7. Chủ tịch Công ty làm việc hàng ngày tại Công ty. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của Công ty sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

2. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm báo cáo Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty cho Chủ sở hữu (qua Sở Tài chính) để tổng hợp, giám sát.

3. Đề nghị Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4. Quyết định phê duyệt chủ trương cho vay, mua bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 50% vốn điều lệ của Công ty sau khi đề nghị và được chủ sở hữu phê duyệt chủ trương; Ủy quyền Giám đốc quyết định phê duyệt chủ trương cho vay, mua bán tài sản có giá trị dưới 10% vốn điều lệ Công ty. chủ sở
hữu

5. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt chủ trương.

6. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

7. Quyết định lương đối với các chức danh do mình bổ nhiệm.

8. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.

9. Thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi Đề án được phê duyệt.

10. Đề nghị Chủ sở hữu Công ty quyết định những vấn đề sau:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc Công ty;

b) Điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.

11. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu Công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu Công ty khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu Công ty giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Chủ tịch Công ty

1. Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam.

2. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không đồng thời là cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp khác.

5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Không từng là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc của các doanh nghiệp nhà nước mà bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

7. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Miễn nhiệm, thay thế thành viên Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty;

d) Theo yêu cầu công tác, do thay đổi về tổ chức hoặc trong các trường hợp: Không đủ sức khỏe hoặc không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ Chủ tịch Công ty của Công ty;

đ) Khi Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu Công ty giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận;

e) Không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

2. Chủ tịch Công ty được thay thế trong những trường hợp sau đây:

a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định của Khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày xảy ra một trong những trường hợp được nêu tại Khoản 1 Điều này, Chủ tịch Công ty phải kiến nghị Chủ sở hữu Công ty xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 25. Nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Chấp hành các quyết định của Chủ sở hữu Công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi quy định tại Khoản 5 Điều 42 Luật doanh nghiệp.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Mục 2: GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 26. Chức năng của Giám đốc Công ty

Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các quyết định của Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty, phù hợp với Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 27. Tuyển chọn, bổ nhiệm Giám đốc

1. Giám đốc Công ty do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Chủ tịch Công ty. Giám đốc Công ty được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm.

2. Người được tuyển chọn làm Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Tốt nghiệp đại học trở lên; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý; có chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty; có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

đ) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Công ty, Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ, Kế toán trưởng và Thủ quỹ Công ty;

e) Không kiêm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các cơ quan, đơn vị ngoài Công ty;

g) Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm theo quy định pháp luật;

3. Những đối tượng không được tuyển chọn để bổ nhiệm làm Giám đốc:

a) Người từng làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

Điều 28. Thay thế, miễn nhiệm Giám đốc

Chủ sở hữu Công ty xem xét và quyết định miễn nhiệm, thay thế Giám đốc theo đề nghị của Chủ tịch Công ty trong những trường hợp sau đây:

1. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này.

2. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với Công ty.

4. Giám đốc xin từ chức.

5. Khi có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác.

6. Các trường hợp khác theo quy định tại quyết định bổ nhiệm, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và pháp luật có liên quan.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc

1. Về nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

đ) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Về quyền hạn:

a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

đ) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;

e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;

g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch Công ty;

h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Tuyển dụng lao động;

k) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ và quyết định bổ nhiệm.

Mục 3: BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 30. Các Phó Giám đốc Công ty:

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, nêu rõ nội dung ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

2. Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc Công ty theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc Công ty theo nhiệm kỳ của Giám đốc và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Số lượng Phó Giám đốc không quá 03 (ba) người. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động.

Điều 31. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc Công ty với thời hạn không quá 05 (năm) năm.

3. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

Điều 32. Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc

1. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, thực hiện công việc theo sự phân công của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thành viên thuộc Công ty theo lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Chủ tịch Công ty quyết định cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

3. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Giám đốc Công ty trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

4. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Chủ tịch Công ty thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng và nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 33. Kiểm soát nội bộ

1. Công ty có Ban kiểm soát nội bộ do Chủ tịch Công ty quyết định thành lập, trực thuộc Chủ tịch Công ty.

2. Ban kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Công ty trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành trong Công ty; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.

Điều 34. Đơn vị trực thuộc

1. Các đơn vị phụ thuộc không có tư cách pháp nhân; được Công ty cấp kinh phí hoạt động hàng năm, được giao tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, các dự án đầu tư phát triển và các nguồn lực để thực hiện các nội dung này theo kế hoạch của Công ty; Hạch toán phụ thuộc Công ty; có cơ cấu tổ chức quản lý, biên chế, mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động do Chủ tịch Công ty quyết định theo từng thời kỳ; Chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh do sự cam kết của đơn vị này; Chịu sự giám sát của Giám đốc, phó Giám đốc và các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Công ty; Chủ tịch Công ty quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc sau khi được chấp thuận của chủ sở hữu Công ty.

2. Văn phòng đại diện, Xí nghiệp, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo Quy chế do Chủ tịch Công ty phê duyệt và Giám đốc ký ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch Công ty quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, Xí nghiệp, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

Mục 4: CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 35. Quan hệ giữa Chủ tịch Công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo Chủ sở hữu Công ty, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình Chủ sở hữu Công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 36. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên, Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty

1. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty được Chủ sở hữu Công ty thông báo đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được Chủ sở hữu Công ty giao, Chủ tịch Công ty có quyền báo cáo Chủ sở hữu Công ty và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch Công ty, Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Chủ tịch Công ty (hoặc Giám đốc Công ty) phải gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và cùng phương thức khi gửi thông tin đến Giám đốc Công ty (hoặc Chủ tịch Công ty) đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

4. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty phải đảm bảo để Kiểm soát viên thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này; tạo điều kiện về cơ sở vật chất và điều kiện khác cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên phải gửi các báo cáo thuộc trách nhiệm được giao đến Chủ sở hữu Công ty và Chủ tịch Công ty trừ trường hợp có quy định khác của Chủ sở hữu. Trường hợp Chủ tịch Công ty có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Chủ sở hữu Công ty có trách nhiệm trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác biệt.

Điều 37. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty:

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Công ty;

b) Báo cáo Chủ sở hữu Công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo Điều 75 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Chủ sở hữu Công ty (nếu có).

Mục 5: NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 38. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức Công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các Nội quy, Quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung Thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các Nội quy, Quy định, Quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện Thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm, Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các Nội quy, Quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Điều 40. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

2. Hằng năm, người quản lý Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Công ty để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các Nội quy, Quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

3. Trường hợp Công ty có lao động dôi dư do sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh thì việc giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư theo các quy định của pháp luật.

Chương V QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 41. Vốn điều lệ của Công ty

1. Vốn điều lệ của Công ty được ghi tại Điều 5 của Điều lệ này.
2. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ của Công ty có thể tăng lên từ các nguồn sau:
 - a) Quỹ đầu tư phát triển;
 - b) Các nguồn bổ sung hợp pháp khác (nếu có).
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tăng vốn điều lệ đối với Công ty.
4. Trường hợp tăng vốn điều lệ, Công ty phải tiến hành công bố và làm thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Công ty

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc quản lý tài chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm cụ thể hóa Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

3. Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:
- a) Cơ chế quản lý, bảo toàn, huy động và sử dụng vốn;
 - b) Cơ chế quản lý, đầu tư, xây dựng, mua sắm và sử dụng tài sản;
 - c) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - d) Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và sử dụng các quỹ của Công ty;
 - đ) Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán;
 - e) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ sở hữu Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong việc giám sát, quản lý tài chính Công ty.

Điều 43. Tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.
2. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, Giám đốc trình Chủ tịch Công ty phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm kế tiếp của Công ty theo quy định hiện hành. Chủ tịch Công ty có trách nhiệm gửi kế hoạch kinh doanh, tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của Công ty đến Sở Tài chính để tổng hợp, làm căn cứ giúp Chủ sở hữu Công ty thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Công ty thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
4. Công ty tổ chức và chỉ đạo thực hiện:
 - a) Công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Giám đốc và công tác kiểm tra, giám sát của Chủ sở hữu Công ty và của Chủ tịch Công ty.
 - b) Kiểm toán bắt buộc theo quy định của pháp luật đối với báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và báo cáo quyết toán các dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 44. Tổ chức lại Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định tổ chức lại Công ty theo quy định của pháp luật.
2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Điều 45. Chuyển đổi sở hữu Công ty

1. Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty dưới các hình thức được pháp luật quy định.

2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

Điều 46. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

a) Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

b) Công ty không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Phá sản Công ty

1. Khi chủ nợ có yêu cầu thanh toán nợ đến hạn phải trả mà Công ty lâm vào tình trạng không có khả năng thanh toán được thì Giám đốc Công ty phải nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

2. Công ty tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định của Luật phá sản.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 48. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty.

3. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 49. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu Công ty

1. Chủ tịch Công ty lập và gửi Chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;

- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty;
- c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 50. Công khai thông tin

1. Giám đốc Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc hoặc người được Giám đốc Công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Chương VIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Điều lệ của Công ty được sửa đổi, bổ sung khi luật pháp hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khác với quy định có liên quan trong Điều lệ này, hoặc trong trường hợp Chủ tịch Công ty thấy cần phải bổ sung, sửa đổi hoặc do Chủ sở hữu yêu cầu. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty do Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu Công ty quyết định.

Điều 52. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ Công ty được thực hiện trên nguyên tắc hòa giải và căn cứ theo quy định tại Điều lệ này.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

Điều 55. Phạm vi thi hành

1. Chủ sở hữu Công ty, các đơn vị và cá nhân liên quan thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty do Giám đốc ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Các đơn vị trực thuộc của Công ty căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc của Công ty không được trái với Điều lệ này.

4. Trong trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với những quy định tại Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CÔNG TY
(kèm theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Kon Tum tại Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Xí nghiệp Vệ sinh môi trường đô thị:

- 2 (hai) Đội Vệ sinh đô thị (mỗi đội có 3 đến 4 tổ);
- Đội Xe cơ giới và Xử lý rác;
- Đội Cơ khí và chế tạo Công cụ lao động;
- Đội Duy tu: Nạo vét, phát dọn kênh mương cống rãnh đường nội thị.

2. Xí nghiệp Cây xanh:

- Đội Cây xanh 1: Chăm sóc cây xanh, cây cảnh Công viên hoa viên;
- Đội Cây xanh 2: Chăm sóc cây danh dải phân cách, bờ kè;
- Đội Cây xanh 3: Ươm cây giống và chăm sóc cây vỉa hè đường phố;
- Đội Xây dựng và kinh doanh khác.

3. Xí nghiệp Điện chiếu sáng:

- Đội Vận hành hệ thống đèn chiếu sáng công lộ;
 - Đội Sửa chữa hệ thống điện công cộng;
 - Đội xây dựng và sửa chữa điện dân dụng;
 - Ban Quản lý Nghĩa trang Thành phố và Nhà Tang lễ tỉnh Kon Tum.
-